TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HS-ST
Ngày: 05/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Văn Nhớ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du
Ông Nguyễn Văn Trình

***Thư ký phiên toà**:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa**:* Ông Phan Quang Đại Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HS ngày 01/8/2024; Quyết định hoãn phiên toà số:11/2024/QĐST-HS ngày 15/8/2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 12/2024/QĐST-HS ngày 22/8/2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 13/2024/QĐST-HS ngày 29/8/2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị Tường V**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 06 tháng 02 năm 1986 tại: thành phố Đà Nẵng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: K N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu S (sinh năm 1964, còn sống) và bà Nguyễn Thị C (sinh năm: 1964, còn sống); Gia đình có 05 người con, bị cáo là con thứ 01; Họ và tên chồng: Đã ly hôn, bị cáo có 06 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Nguyễn Thị H**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 05 tháng 7 năm 1979 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: I V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Nguyên là Kiểm tra viên Chi cục thuế khu vực C3; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn C1 (còn sống) và bà Ngô Thị L (còn sống); Gia đình có 05 người con, bị cáo là con thứ 04. Họ và tên chồng: Hồ Ngọc T (sinh năm 1979), bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Hữu Quyết T1 - Luật sư V2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; Địa chỉ: 1 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

3. **Nguyễn Thị Mỹ N**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 08 tháng 7 năm 1990 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu P (còn sống) và bà Nguyễn Thị N1 (còn sống); Gia đình có 04 người con, bị cáo là con thứ 03; Họ và tên chồng: Đã ly hôn; Bị cáo có 02 con: Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2024.Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

4. **Nguyễn Văn Đ**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17 tháng 6 năm 1985 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: A L, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH X; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C2 (còn sống) và bà Phạm Thị D (còn sống); Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ 01. Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Ánh N2 (sinh năm: 1986), bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2024. Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:*

1. Công ty cổ phần XD - TM Kin Công, Địa chỉ trụ sở: 03 Phong Bắc 12, phường Hoà Thọ Đông, quận Cẩm Lệ,thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

2. Công ty cổ phần Lilama 7. Địa chỉ trụ sở: 332 đường 2/9, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3. Công ty TNHH TM HBM, Địa chỉ trụ sở: 586 Trưng Nữ Vương, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

4. Công ty TNHH Tường Minh, Địa chỉ trụ sở: Đường số 11, KCN Hoà Cầm, phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin vắng mặt)

5. Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và Mỹ thuật Đà Nẵng II, Địa chỉ trụ sở: 90 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng

mặt).

6. Công ty cổ phần Dệt may 29/3, Địa chỉ trụ sở: 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

7. Công ty CP Tư vấn thiết kế giao thông và Xây dựng Bắc Trung Nam; Địa chỉ: 33 đường Phan Cảnh Quang, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

8. Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng; Địa chỉ: Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

9. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trần Thạch; Địa chỉ: 91 Ngô Nhân Tịnh, phường Hoà An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin vắng mặt).

10. Công ty cổ phần xây dựng Minh An Bình; Địa chỉ: 55 Quang Trung, phường Hải Châu II, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

11. CTCP Thương mại Nam Thiên Á; Địa chỉ trụ sở: 1254 đường Võ Văn Kiệt, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

12. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hưng Tiến Phát; Địa chỉ trụ sở: 1254 đường Võ Văn Kiệt, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

13. Công ty TNHH Xây dựng NVD, địa chỉ: K457/54 đường Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Kiên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

14. Bà Lê Thị Vang, sinh năm 1986; địa chỉ: Tây Gia, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (có đơn xin vắng mặt).

15. Bà Châu Thị Nhược, sinh năm 1964, đại chỉ: 29 Lý Tế Xuyên, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

16, Bà Châu Huỳnh Thuỳ Nhung, sinh năm 1979, địa chỉ: 101 Hà Tông Quyền, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

17. Bà Trần Thị Lệ Dung, sinh năm 1961, địa chỉ: 358/6 Trường Chinh, phường Hoà An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý (có mặt).

18. Bà Phạm Thị Ngọc Ánh, sinh năm 1997, địa chỉ: K19/7 Trường Sơn, phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin vắng mặt).

19. Công ty TNHH MTV ROFADI, địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, phường Hoà Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

20. Công ty TNHH TOYOTA OKAYAMA Đà Nẵng; Trụ sở 09 Phạm Hùng, phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng (vắng mặt).

21. Công ty cổ phần Trắc địa Việt - Chi nhánh huyện Nam Giang; Địa chỉ: Thôn Dung, thị trấn Thạch Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

22. Công ty TNHH MTV Tân Nhật Thạnh, địa chỉ: Tổ 01 khối Hà Trung, phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

23. Ban Quản lý bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch Đà Nẵng; địa chỉ: 133 Hồ Nghinh, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

24. Công ty TNHH MTV Đăng Bách Đạt; địa chỉ: 243 Tiểu La, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu (vắng mặt).

25. Nhà máy A32, quân chủng Phòng không Không quân, Bộ Quốc phòng; địa chỉ: Sân bay Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

26. Kho Kỹ thuật tổng hợp, Cục Kỹ thuật, Quân khu 5; Địa chỉ: 76 Trường Sơn, phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

27. Công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Sơn; địa chỉ: 96 Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

28. Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát Biển 2, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Quốc phòng, địa chỉ: Tam Quang, Núi Thành, Quảng Nam (vắng mặt).

29. Công ty cổ phần Cao Hoàng Lực, địa chỉ: Thôn Dương Lâm, xã Hoà Phong, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

30. Trung tâm tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 3; địa chỉ: 15 Duy Tân, Hải Châu, Đà Nẵng (vắng mặt).

31. Tiểu đoàn 843, Cục Tác chiến điện tử, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng; Địa chỉ: Điện Tiến, Điện Bàn, Quảng Nam (vắng mặt).

32. Công ty TNHH MTV Bê Tông DUAGO; địa chỉ: 233 Điện Biên Phủ, phường Hoà Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

33. Công ty TNHH TM và phát triển Kỹ Thuật Sa Cường; địa chỉ: 92 Tôn Đản, phường Hoà An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

34. Bà Hoàng Thị Liên - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Hoàng Thị Liên; Địa chỉ: 152 Trường Chinh, phường Hoà An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

35. Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả; Địa chỉ: Km11+500 tuyến dường dẫn phía nam hầm Hải Vân, phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

36. Công ty TNHH S & H Garment; địa chỉ: 535 Trần Hưng Đạo, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

37. Công ty TNHH XD và TM Phúc Gia Trần; địa chỉ: 183/62 Tô Hiệu, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

38. Công ty TNHH Liên Minh; địa chỉ: 33 Nghiêm Xuân Yên, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

39. Công ty TNHH Thanh Phước Mỹ, địa chỉ: 32 Tô Hiến Thành, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

40. CTCP đá Mỹ Trang; địa chỉ: Tổ dân phố Nho Lâm, phường Phổ Hoà, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

41. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp Idico - Chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Km 1045, QL1A, thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

42. Công ty TNHH Đầu tư TM DV Nam Thắng, địa chỉ: Số 15 đường Do Nha, Quán Toan, Hoàng Bàng, Hải Phòng (vắng mặt).

43. Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Sơn Hải; Địa chỉ: Làng Phạm Dùng, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

44. Công ty TNHH Hồng Cát Thành; Địa chỉ: 37 Trần Thanh Trung, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

45. Công ty TNHH MTV Đại Thiện Mỹ; Địa chỉ: số 01 Bàu Trảng 1, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

46. Công ty TNHH MTV Lộc Khang Kỳ, địa chỉ: 261 Tôn Đức Thắng, Hoà Minh, Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

47. Công ty TNHH Kỳ Trung; địa chỉ: Khối phố Bình Ninh, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Kim Chung (có mặt).

48. Kho J258/Cục xe - Máy, Tổng cục Kỹ Thuật, Bộ Quốc phòng; Địa chỉ: 87 Phan Văn Định, phường Hoà Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

49. Trung tâm bảo đảm kỹ thuật, Bộ Tư lệnh vùng 3 Hải Quân, Bộ Quốc phòng, địa chỉ: 77 Lê Văn Hiến, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

50. Chi cục Thuế khu vực Hoà Vang – Cẩm Lệ, Địa chỉ: 08 Nguyễn Nhàn, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ N:

Vào tháng 3/2022, Nguyễn Thị Tường V nảy sinh ý định xuất, bán khống hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho khách hàng có nhu cầu và xuất hoá đơn bán hàng hoá dịch vụ không rõ nguồn gốc xuất xứ từ cửa hàng của V bán ra tại số A N, quận H, thành phố Đà Nẵng để có tiền tiêu xài. V liên hệ với Nguyễn Thị H - lúc đó đang là Kiểm tra viên Chi cục thuế khu vực C3 nhờ tìm kiếm công ty đã ngừng kinh doanh nhưng hoạt động được nhiều năm, đủ năng lực phục vụ đấu thầu để sử dụng đấu thầu, xuất khống hoá đơn thì H đồng ý. Hồng tìm kiếm và phát hiện Công ty cổ phần X1 - TM Kin Công không còn hoạt động kinh doanh và đáp ứng các điều kiện mà V yêu cầu. Thông qua việc quản lý hộ kinh doanh nhỏ lẻ, H có được bản sao giấy chứng minh nhân dân của bà Lê Thị V1. H giao giấy này cho Nguyễn Thị Mỹ N để thực hiện hợp thức các thủ tục đăng ký cho bà Lê Thị V1 làm giám đốc. Sau đó, H giao Công ty cổ phần X1 Kin Công lại cho V trực tiếp điều hành việc xuất bán hoá đơn GTGT trái phép, còn H trực tiếp chỉ đạo N thực hiện công việc kế toán, kê khai thuế, hợp thức và xuất hoá đơn trái phép từ Công ty Kin Công theo yêu cầu của V. Mỗi tờ hoá đơn xuất bán từ Công ty K thì V cùng đồng bọn sẽ thu lợi từ 5-10% số tiền ghi trên hóa đơn chưa tính

thuế GTGT. Tùy từng mặt hàng ghi trên hóa đơn, nếu thuế GTGT tính 10% thì V trả cho H 4%, H trả cho N 1%, nếu thuế GTGT tính 8% thì V trả cho H 3,5%, H trả cho N 0,8%.

Từ tháng 04/2022 - 04/2023, các bị cáo đã sử dụng trái phép Công ty K xuất khống bán 64 hoá đơn GTGT đã ghi nội dung cho 33 đơn vị, doanh nghiệp với tổng giá trị có thuế GTGT là 14.331.929.954 đồng (thuế GTGT là 1.180.711.297 đồng), thu lợi bất chính 1.169.036.504 đồng. Trong đó, từ tháng 04/2022 - 03/2023, xuất khống bán 58 hoá đơn, với tổng giá trị có thuế GTGT là 13.403.377.573 đồng (thuế GTGT là 1.096.297.444 đồng) thu lợi bất chính 1.084.622.651 đồng (V thu lợi 655.799.461 đồng; H thu lợi 326.017.988 đồng; N thu lợi 102.805.203 đồng). Từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023, Công ty K có rủi ro về thuế, do sợ bị phát hiện nên H và N không tham gia nữa, thời điểm này V tự mình tiếp tục sử dụng Công ty K xuất bán khống 06 hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính 84.413.852 đồng.

Để đối phó với cơ quan chức năng về thuế, quá trình sử dụng trái phép Công ty K, V mua hàng hoá, dịch vụ mục đích cho cá nhân hoặc hàng hoá khác để buôn bán tự do đều yêu cầu các đơn vị bán xuất hoá đơn cho Công ty K (tổng số 54 số hóa đơn) nhằm thể hiện Công ty K có hoạt động, có phát sinh hàng hoá, dịch vụ đầu vào. Quá trình kê khai thuế quý II, III, IV năm 2022, V cùng đồng phạm đã hợp thức giá trị hàng hoá, dịch vụ đầu vào, đầu ra và doanh thu của công ty K để không phát sinh thuế GTGT, doanh thu phải nộp. Đến quý I năm 2023, V cùng đồng phạm chưa kê khai thuế thì bị phát hiện.

Hành vi trốn thuế của Nguyễn Văn Đ

Công ty TNHH X (MST: 0401815401; Địa chỉ: số K đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) do Nguyễn Văn Đ làm giám đốc và là đại diện theo pháp luật, có chức năng thi công xây dựng. Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2022 đến 02/2023, Nguyễn Văn Đ đã liên hệ Nguyễn Thị Tường V mua khống 04 hoá đơn GTGT về thi công xây dựng do công ty K xuất ra để hợp thức chi phí phát sinh, sau đó giao cho kế toán công ty là chị Lê Thị B tổng hợp và kê khai thuế để làm giảm số thuế GTGT phải nộp trong quý 2/2022, quý 3/2022 và quý 1/2023. Tổng trị giá có thuế GTGT tại 04 hóa đơn trên là 2.977.135.728 đồng.

Căn cứ kết luận giám định thuế của Cục Thuế thành phố Đ ngày 24/5/2024 xác định, hành vi trốn thuế của công ty TNHH X số thuế GTGT trốn gây thất thu ngân sách nhà nước số tiền 238.384.448 đồng.

Công ty K không tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế nên không vi phạm hành vi trốn thuế. Không đủ cơ sở xác định thiệt hại cho ngân sách nhà nước do hành vi bán trái phép hoá đơn GTGT của Công ty K.

* Vật chứng thu giữ:

- 03 *(Ba)* con dấu của Công ty K gồm: Con dấu tròn của công ty K; Con dấu chữ ký "Vang"; Con dấu tên "Giám đốc Lê Thị V1".

- 01 *(Một)* USB chữ ký số của Công ty K do bà Lê Thị V1 đứng tên giám đốc.

- 01 *(Một)* màn hình máy tính bàn, 01 (Một) CPU máy tính bàn được bị cáo N sử dụng trao đổi với bị cáo H và V để sử dụng trái phép công ty K xuất hoá đơn, kê khai thuế.

- 03 (ba) đĩa CD chứa dữ liệu hỏi cung ghi hình có âm thanh các bị cáo.

Đối với các đồ vật tạm giữ là nguồn chứng cứ của vụ án nên chuyển Chi cục Thi hành án dân sự tiếp tục lưu giữ.

Về phần dân sự, Nguyễn Thị Tường V đã tự nguyện khắc phục toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, Nguyễn Thị H đã tự nguyện khắc phục số tiền 44.000.000 đồng thu lợi bất chính, Nguyễn Thị Mỹ N đã tự nguyện khắc phục số tiền 46.548.000 đồng thu lợi bất chính. Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện khắc phục số tiền 100.000.000 đồng trốn thuế.

Đối với 03 (ba) đĩa CD chứa dữ liệu hỏi cung ghi hình có âm thanh các bị cáo là nguồn chứng cứ nên chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 66/CT-VKSCL ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã truy tố:

- Nguyễn Thị Tường V và Nguyễn Thị Mỹ N về tội "In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước" quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

- Nguyễn Thị H về tội "In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước" quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

- Nguyễn Văn Đ về tội "Trốn thuế" quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Tường V: Áp dụng điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tường V từ 300.000.000 đồng - 400.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị H: Áp dụng điểm a, c, d, đ, khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 300.000.000 đồng - 400.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N: Áp dụng điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, khoản 2 (nuôi con dưới 30 tháng tuổi) Điều 51, Điều 35 Bộ

luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N từ 100.000.000 đồng - 200.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 200, điểm i, b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 100.000.000 đồng - 150.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu huỷ:

- 03 *(Ba)* con dấu của Công ty Kin Công gồm: Con dấu tròn của công ty K; Con dấu chữ ký "Vang"; Con dấu tên "Giám đốc Lê Thị V1".

- 01 *(Một)* USB chữ ký số của Công ty K do bà Lê Thị V1 đứng tên giám đốc.

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước:

- 01 *(Một)* màn hình máy tính bàn, 01 (Một) CPU máy tính bàn được bị cáo N sử dụng trao đổi với bị cáo H và V để sử dụng trái phép công ty K xuất hoá đơn, kê khai thuế.

- Tiếp tục truy thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị Mỹ N, Nguyễn Thị H, truy thu số tiền trốn của bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án: 03 (ba) đĩa CD chứa dữ liệu hỏi cung ghi hình có âm thanh các bị cáo.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H có Luật sư Nguyễn Hữu Quyết T1 đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ về nhân thân của bị cáo như chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi của mình. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã nộp lại 44 triệu đồng tiền khắc phụ phục hậu quả vụ án. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xử phạt cho bị cáo Nguyễn Thị H được hưởng án treo.

Về tiền thu lợi bất chính: Số tiền thu lợi bất chính ở quý IV năm 2022 vẫn do bị cáo Nguyễn Thị Tường V giữ, chưa giao cho bị cáo Nguyễn Thị H, đề nghị HĐXX tịch thu số tiền 200.000.000đ từ bị cáo Nguyễn Thị Tường V thay vì tịch thu từ bị cáo Nguyễn Thị H.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người liên quan không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] *Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo thì thấy:*

Lợi dụng điều kiện cơ chế, chính sách thông thoáng về đăng ký doanh nghiệp hiện nay, cụ thể: "Trường hợp đăng ký doanh nghiệp do cá nhân khác được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp cần có văn bản ủy quyền nhưng không bắt buộc phải công chứng, chứng thực, việc đăng ký địa chỉ trụ sở doanh nghiệp do doanh nghiệp tự đăng ký và chịu trách nhiệm, hồ sơ doanh nghiệp không cần hồ sơ chứng minh về địa chỉ đăng ký được sử dụng kinh doanh theo quy định". Bị cáo Nguyễn Thị Tường V cùng đồng bọn sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà Lê Thị V1, lập khống giấy ủy quyền, đăng ký khống tên bà Lê Thị V1 làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật; Đăng ký khống địa chỉ trụ sở chính (thực tế không hoạt động) để hợp thức thủ tục đăng ký doanh nghiệp, sử dụng trái phép Công ty Kin Công in, phát hành, mua bán hóa đơn thu lợi bất chính.

Qua quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án, xác định: Từ tháng 04/2022 đến 04/2023, tại địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng, để có tiền tiêu xài, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ N đã sử dụng danh nghĩa Công ty K để cùng nhau xuất bán trái phép 64 hoá đơn giá trị gia tăng đã ghi nội dung hàng hóa, dịch vụ không có thật, thu lợi bất chính 1.169.036.504 đồng. Trong đó, bị cáo V thu lợi 740.213.313 đồng, bị cáo H thu lợi 326.017.988 đồng, bị cáo N thu lợi 102.805.203 đồng. Cũng trong thời gian trên, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi mua 04 hóa đơn GTGT đã ghi nội dung hàng hóa, dịch vụ không có thật do công ty K phát hành, sau đó sử dụng để làm giảm số thuế GTGT mà Công ty TNHH X phải nộp trong quý 2/2022, quý 3/2022 và quý 1/2023, với số tiền trốn thuế GTGT là 238.384.448 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Mỹ N đã phạm vào tội "In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn thu nộp ngân sách nhà nước" theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm tội "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 66/CT-VKSCL,

ngày 15/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Tường V, bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N là nghiêm trọng xâm phạm đến chính sách quản lý hành chính về thuế và gây thất thu ngân sách nhà nước. Bị cáo V, bị cáo H và bị cáo N khi thực hiện hành vi luôn có sự cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể để cùng thực hiện tội phạm. Do đó đây không phải là tội phạm giản đơn mà là phạm tội có tổ chức.

Trong ba bị cáo, bị cáo V và bị cáo H là người nảy sinh ý định, cùng thỏa thuận thống nhất, chỉ huy và thực hiện tội phạm nên vừa là người tổ chức, vừa là người thực hành nên khi xem xét lên mức hình phạt giữa bị cáo V và H là ngang nhau; Bị cáo N là người thực hành và giúp sức về chứng từ sổ sách kế toán theo sự điều khiển của bị cáo H nên vai trò của N thấp hơn, do đó khi lên mức hình phạt cho N sẽ thấp hơn V và H.

Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy:

3.1. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Tường V:

Bị cáo Nguyễn Thị Tường V chuyên buôn bán các loại phụ tùng, kim khí, máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng tại cửa hàng số A N, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình buôn bản, bị cáo V mua hàng hóa tại nhiều cơ sở, công ty nhưng không lấy hóa đơn, hiện không có sổ sách theo dõi nên không có căn cứ xác định chi phí đầu vào. Quá trình buôn bán, xuất phát từ nhu cầu khách hàng yêu cầu bị cáo V cung cấp hóa đơn GTGT khi mua hàng hóa và mua khống hóa đơn GTGT, bị cáo V nảy sinh ý định tìm kiếm công ty để sử dụng trái phép, xuất bán khống hóa đơn GTGT thu lợi bất chính. Qua mối quan hệ xã hội, bị cáo V có biết và liên hệ bị cáo H. Qua trao đổi, bị cáo V và bị cáo H thống nhất: Bị cáo H tìm kiếm Công ty Kin Công không còn hoạt động, lấy giấy chứng minh nhân dân bà Lê Thị V1, chỉ đạo bị cáo N hợp thức các thủ tục đăng ký khống bà Lê Thị V1 đứng tên giám đốc, giao Công ty Kin Công cho bị cáo V sử dụng bản hóa đơn GTGT trái phép. Từ tháng 4/2022 đến 4/2023, bị cáo Nguyễn Thị Tường V cùng bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N sử dụng trái phép công ty K xuất khống bán 64 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung với tổng giá trị có thuế GTGT là 14.331.929.954 đồng (Thuế GTGT là 1.180.711.297 đồng), thu lợi bất chính 1.169.036.504 đồng. Trong đó, từ tháng 4/2022 - 3/2023, bị cáo V cùng bị cáo H và bị cáo N xuất khống bán 58 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung với tổng giá trị có thuế GTGT là 13.403.377.573 đồng (thuế GTGT là 1.096.297.444 đồng) thu lợi bất chính 1.084.622.651 đồng (V thu lợi 655.799.461 đồng, H thu lợi: 326.017988 đồng; N thu lợi 102.805.203 đồng). Từ tháng 3/2023 đến 4/2023 là thời điểm Công ty K có thông tin rủi ro về thuế, do sợ bị phát hiện hành vi phạm tội nên bị cáo H và bị cáo N không tham gia mà do bị cáo V một mình tiếp

tục sử dụng xuất bán khống 06 số hóa đơn GTGT thu lợi bất chính 84.413.852 đồng. Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã có hành vi cùng đồng bọn xuất khống bán hoá đơn GTGT đã ghi nội dung 58 số và tự mình xuất bán khống 06 hoá đơn GTGT, thu lợi bất chính 740.213.313 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" quy định tại điểm a, d, và đ khoản 2, Điều 203 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này V là người có vai trò tích cực nhất, bị cáo V là người nảy sinh ý định tìm kiếm công ty để sử dụng trái phép, xuất bán khống hóa đơn GTGT thu lợi bất chính với số tiền nhiều hơn các bị cáo khác.

3.2. Bị cáo Nguyễn Thị H:

Bị cáo Nguyễn Thị H tại thời điểm đang là Kiểm tra viên Chi cục Thuế khu vực C3, cùng đồng bọn đã có hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT đã ghi nội dung từ 58 số, thu lợi bất chính 1.084.622.651 đồng. Bị cáo H trực tiếp chỉ đạo bị cáo N thực hiện công việc kế toán, kê khai thuế và xuất hóa đơn trái phép theo yêu cầu của bị cáo V. Mỗi tờ hóa đơn xuất bán, bị cáo V cùng H, N thu lợi từ 5 đến 10% số tiền ghi trên hóa đơn chưa tính thuế GTGT (Tùy theo hàng hóa, dịch vụ và thỏa thuận với khách hàng mà bị cáo V tự lấy giá bán ra khác nhau nhưng thường lấy giá như thuế GTGT tính trên hóa đơn). Do tùy mặt hàng ghi trên hóa đơn mà thuế GTGT tỉnh từ 8 đến 10%, nếu thuế GTGT tỉnh 10% thì bị cáo H hưởng lợi 3%, bị cáo N hưởng lợi 1%, bị cáo V hưởng số tiền thu lợi bất chính còn lại; Nếu thuế GTGT tính 8% thì bị cáo H hưởng 2,7%, bị cáo N hưởng 0,8%, bị cáo V hưởng toàn bộ số tiền thu lợi bất chính còn lại.

Trong đó bị cáo Nguyễn Thị H thu lợi bất chính 326.017.988 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" quy định tại điểm a, c, d, và đ, khoản 2, Điều 203 Bộ luật Hình sự.

3.3. Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N cùng với bị cáo V và H đã có hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT đã ghi nội dung từ 58 số, thu lợi bất chính 1.084.622.651 đồng, trong đó bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N thu lợi bất chính 102.805.203 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "In, phát hành, mua bản trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" quy định tại điểm a, d, và đ, khoản 2, Điều 203, Bộ luật Hình sự.

3.4. Bị cáo Nguyễn Văn Đ:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi trốn thuế với số tiền thuế gây thất thu ngân sách nhà nước là 238.384.448 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Trốn thuế" quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 200, Bộ luật Hình sự.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thì thấy:* Các bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo;

Bị cáo Nguyễn Thị Tường V hiện là mẹ đơn thân nuôi 6 con nhỏ, đã nộp đủ số tiền 740.213.313 đồng thu lợi bất chính; bị cáo Nguyễn Thị H nộp 44.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính và Nguyễn Thị Mỹ N nộp 46.548.000 đồng tiền thu lợi bất chính; bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nộp 100.000.000 đồng tiền trốn thuế nên được áp thêm tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Nam hiện nuôi con dưới 36 tháng tuổi được nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự quy định.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà phạt tiền cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo.

[5] *Về số tiền thu lợi bất chính:*

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự về "Tịch thu tang vật tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm":

Bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính 740.213.313 đồng (bảy trăm bốn mươi triệu hai trăm mười ba nghìn ba trăm mười ba đồng) vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp lại số tiền 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng) buộc phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 282.017.988 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu không trăm mười bảy nghìn chín trăm tám mươi tám đồng) vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp lại số tiền 46.548.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng) buộc phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 56.257.203 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm lẻ ba đồng) vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nộp lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) buộc phải nộp tiếp số tiền trốn thuế là 138.384.448 đồng (một trăm ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng) vào Ngân sách nhà nước.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ về tội danh cũng như đề nghị về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư bào chữa đề nghị áp dụng các tình tiết quy định tại Điều 65 BLHS, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và Nghị quyết số

01/2022/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS để xem xét cho bị cáo Nguyễn Thị H được hưởng án treo là không hợp lý nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với ý kiến về việc đề nghị HĐXX tịch thu số tiền 200.000.000đ từ bị cáo Nguyễn Thị Tường V thay vì tịch thu từ bị cáo Nguyễn Thị H, HĐXX xét thấy căn cứ vào các lời khai của bị cáo trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Tường V trình bày đã trả số tiền thu lợi trên cho bị cáo Nguyễn Thị H, sau đó bị cáo Nguyễn Thị H cho bị cáo Nguyễn Thị Tường V mượn lại. Đây là sự việc dân sự giữa 2 bị cáo nên HĐXX không chấp nhận đề nghị của Luật sư mà cần buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính theo quy định của pháp luật.

[8] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 03 (Ba) con dấu của Công ty K1 (Con dấu tròn của Công ty K, con dấu chữ ký tên "Vang", con dấu tên "Giám đốc Lê Thị V1") và 01 (Một) USB chữ ký số của Công ty K1 do bà Lê Thị V1 đứng tên giám đốc là được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 (Một) màn hình máy tính bàn và 01 (Một) CPU máy tính bàn được bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N sử dụng trao đổi với bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Tường V để sử dụng trái phép Công ty K xuất hoá đơn, kê khai thuế cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước .

- Đối với số tiền các bị cáo nộp, tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[9] *Các vấn đề khác:*

Đối với các công ty còn lại có hành vi mua, sử dụng hoá đơn GTGT do Công ty K xuất ra để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào nhưng phát sinh tiền thuế dưới 100.000.000 đồng hoặc chưa xác định được hành vi trốn thuế nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C có văn bản thông báo Cục thuế thành phố Đ và các tỉnh thành phố nới các công ty đăng ký địa chỉ trụ sở chính hoạt động để xử lý theo quy định là có cơ sở.

Đối với các đơn vị thuộc lực lượng Quân đội đã sử dụng hóa đơn GTGT do Công ty K xuất ra thuộc thẩm quyền giải quyết của lực lượng Quân đội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra quận C có văn bản thông báo cho các đơn vị Quân đội biết xử lý theo quy định là có cơ sở.

Đối với Ban Q và các bãi biển D là đơn vị Nhà nước sử dụng hoá đơn GTGT của Công ty K xuất ra, qua điều tra việc sữa chữa mua sắm hàng hoá là có thật, không có động cơ vụ lợi hay chiếm đoạt ngân sách Nhà nước và không gây thiệt hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C không xem xét xử lý là có cơ sở.

Đối với bà Châu Thị N3 là người đăng ký thành lập Công ty K và bà Lê Thị V1 bị các bị cáo sử dụng thông tin cá nhân để đăng ký đứng tên giám đốc Công ty K, những người này không biết việc các bị cáo tự ý sử dụng thông tin cá nhân

của mình để phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Lê Thị B là người phụ trách kế toán của Công ty X, đã thực hiện tổng hợp và kê khai thuế của Công ty, tuy nhiên bà B chi nhận bàn giao hoá đơn GTGT của Nguyễn Văn Đ và thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, bà B không biết về việc Đ mua khống hoá đơn này của Công ty K nên Cơ quan Cảnh sat điều tra quận C không đề cập xử lý là có căn cứ.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ N phạm tội "In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước".

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trốn thuế".

1. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Tường V 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

2. Căn cứ điểm a, c, d, đ khoản 2 điều 203, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

3. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

4. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 200, điểm b, s, i khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

5. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

5.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 03 (Ba) con dấu của Công ty K1 (Con dấu tròn của Công ty K, con dấu chữ ký tên "Vang", con dấu tên "Giám đốc Lê Thị V1").

- 01 (Một) USB chữ ký số của Công ty K1 do bà Lê Thị V1 đứng tên giám đốc.

5.2 Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước:

- 01 (Một) màn hình máy tính bàn và 01 (một) CPU máy tính bàn.

- Số tiền 100.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị Tường V giao nộp; Số tiền 44.000.000 đồng do Nguyễn Thị H giao nộp; Số tiền 46.548.000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N giao nộp (đã được Cơ quan CSĐT Công an quận C chuyển từ tài khoản của Công an quận C sang tài khoản 3949.0.1036411.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ tại Kho bạc nhà nước quận C theo Quyết định xử lý vật chứng số 489/QĐ-ĐCSKT, ngày 17/7/2024 của Cơ quan CSĐT Công an quận C và chứng từ chuyển khoản uỷ nhiệm chi photo kèm theo).

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/7/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an quận C và Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

- Số tiền 100.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp theo biên lai số 0002391 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;

- Số tiền 240.213.313 đồng bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã nộp vào tài khoản 39490103641100000 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ tại Kho bạc nhà nước quận C theo giấy nộp tiền ngày 05/9/2024 của Ngân hàng N4 - Chi nhánh quận C;

- Số tiền 120.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã nộp vào tài khoản 39490103641100000 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ tại Kho bạc nhà nước quận C theo giấy nộp tiền ngày 05/9/2024 của Ngân hàng N4 - Chi nhánh quận C.

- Số tiền 280.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã nộp vào tài khoản 39490103641100000 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ tại Kho bạc nhà nước quận C theo giấy nộp tiền ngày 04/9/2024 của Ngân hàng N4 - Chi nhánh quận C.

5.3. Tiếp tục truy thu số tiền thu lợi bất chính:

Buộc Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 282.017.988 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu không trăm mười bảy nghìn chín trăm tám mươi tám đồng) vào Ngân sách nhà nước.

Buộc Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 56.257.203 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm lẻ ba đồng) vào Ngân sách nhà nước.

Buộc Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp lại số tiền trốn thuế là 138.384.448 đồng (một trăm ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng) vào Ngân sách nhà nước.

6. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Mỹ N và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

7. *Quyền kháng cáo:* Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *CQCSĐT Công an quận Cẩm Lệ;*
- *CCTHADS quận Cẩm Lệ;*
- *TAND TP Đà Nẵng;*
- *VKSND TP Đà Nẵng;*
- *Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Nhớ